

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HSST
Ngày 26 tháng 10 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám

Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số : 41/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Hữu T (tên gọi khác: S) - sinh năm: 1993 tại huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T (chết) và bà Nguyễn Thị Kim S; có vợ Đỗ Thị Kim D - sinh năm 1994; có 03 con, con lớn sinh năm: 2015- 02 con nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đông T - sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn H - sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu T và Nguyễn Đông T là bạn cùng làm thợ sơn, T biết T sở hữu xe mô tô Yamaha Exciter 150 biển số 79V1-416.67 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này để thế chấp lấy tiền trả nợ và tiêu xài.

Khoảng 08h00' ngày 22/01/2021, T gặp T ở thôn T - V - Vạn Ninh - Khánh Hòa, T nói “cho anh mượn xe mô tô của em để anh vào Nha Trang nhận thầu công trình cho anh em làm kiếm tiền tiêu tết”, T đồng ý. Lúc này, T biết muốn thế chấp xe thì phải có Giấy đăng ký xe mô tô nên T tiếp tục nói với T “Đường xa quá, em lấy cho anh mượn giấy tờ xe để anh đi có gì Công an chặn thì có giấy tờ xe khỏi mất công giam xe em”, T tin tưởng T nên đồng ý giao xe mô tô 79V1-416.67 và Giấy đăng ký xe mô tô này cho T. Sau khi nhận xe và Giấy đăng ký xe mô tô xong, T điều khiển xe mô tô 79V1-416.67 đến nhà ông Thái Văn H ở thôn H - V - Vạn Ninh thế chấp xe mô tô này kèm Giấy đăng ký xe mô tô cho ông H. T nói với ông H xe này là của mình mới mua nhưng chưa sang tên và đề nghị thế chấp số tiền 15.000.000 đồng, tin lời T nên ông H đồng ý nhận thế chấp. T nhận tiền xong thì trả nợ và tiêu xài cá nhân hết 15.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2021, T gặp T để lấy lại xe nhưng T thú nhận là đã thế chấp xe mô tô 79V1-416.67 cùng Giấy đăng ký xe mô tô của T tại tiệm cầm đồ của ông H và T hứa với T là sẽ chuộc xe ra trả lại cho T. Nhưng đến ngày 06/02/2021, do T vẫn chưa chuộc xe ra để trả lại nên T cùng cha ruột của T là ông Nguyễn Văn T đến gặp ông H trình bày sự việc và xin mượn lại xe mô tô 79V1-416.67 để sử dụng thì ông H đồng ý giao xe cho T. Sau đó T trình báo sự việc và giao nộp xe mô tô 79V1-416.67 cho Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/2021/KL-TTHS ngày 02/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vạn Ninh, kết luận tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô 79V1-416.67 có giá trị 38.392.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Thu giữ 01 tờ giấy cam đoan viết tay do Nguyễn Đông T giao nộp; 02 tờ giấy biên nhận do Phạm Hữu T và Thái Văn H giao nộp; 01 tờ giấy cam kết mượn xe do Thái Văn H giao nộp.

- Đối với ông Thái Văn H đã nhận thế chấp xe mô tô 79V1-416.67 do T phạm tội mà có. Tuy nhiên khi nhận thế chấp ông H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Tại Bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSVN ngày 14 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố để xét xử bị cáo Phạm Hữu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa:

+ Bị cáo Phạm Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên và ăn năn hối cải.

+ Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo tội danh như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hữu T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xét bồi thường giữa bị cáo T với bị hại Nguyễn Đông T. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Văn H đã nhận 3.000.000 đồng, yêu cầu T trả 12.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý trả, buộc bị cáo T trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn H số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại; người làm chứng, nhưng bị cáo không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về sự vắng mặt của họ và lời khai của họ có tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vạn Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hữu T đã khai nhận hành vi của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng số 43/CT-VKSVN ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vạn Ninh thu thập được. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 22/01/2021 tại thôn Tân Phước Tây, xã Vạn Phước, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, T nói với T “cho anh mượn xe mô tô của em để anh vào Nha Trang nhận thầu công trình cho anh em làm kiếm tiền tiêu tết”, T tin tưởng T nên đồng ý giao xe mô tô 79V1-416.67 và Giấy đăng ký xe mô tô này cho T. Sau khi nhận xe và Giấy đăng ký xe mô tô xong, T điều khiển xe mô tô 79V1-416.67 đến nhà ông Thái Văn H ở thôn H - V - Vạn Ninh để chở xe mô tô này kèm Giấy đăng ký xe mô tô cho ông H. Như

vậy, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo Phạm Hữu T đã lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 79V1-416.67 của anh Nguyễn Đông T trị giá 38.392.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Theo quy định về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Nguyễn Đông T được pháp luật bảo vệ; chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 79V1-416.67 của anh Nguyễn Đông T. Nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, ngăn ngừa những hành vi tương tự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa:

+ Bị hại anh Nguyễn Đông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ lời khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Đông T đã nhận lại xe mô tô biển số 79V1-416.67 và không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn H yêu cầu Phạm Hữu T phải bồi hoàn lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) T đã nhận từ việc thế chấp xe mô tô 79V1-416.67, ông H xác nhận bị cáo T đã trả cho ông H 3.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Hữu T đồng ý trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn H 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Xét sự thỏa thuận của bị cáo T và ông H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và buộc bị cáo T trả cho ông H 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 1 Điều 336 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Phạm Hữu T.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T (tên gọi khác: S) 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Không xét bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Phạm Hữu T với bị hại anh Nguyễn Đông T.

+ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Thái Văn H và bị cáo Phạm Hữu T, buộc bị cáo Phạm Hữu T trả cho ông Thái Văn H 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn) và án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn).

- Quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị hại (vắng mặt) là 15 ngày, kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Ngọc Ảnh**